

Về sự kiện đổi tiền năm 1978 ở Việt Nam

Phạm Thị Hồng Hà¹

¹ Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: honghalsvn@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 10 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về một trong những vấn đề tài chính tiền tệ ở Việt Nam sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc. Đó là vấn đề thống nhất tiền tệ hai miền Nam - Bắc, một trong những yêu cầu bức thiết của sự nghiệp thống nhất đất nước sau chiến tranh. Bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích về cuộc đổi tiền năm 1978 vốn được cho là thực hiện nhiệm vụ thống nhất tiền tệ. Cho đến nay, có rất ít các bài nghiên cứu đề cập tới cuộc đổi tiền ở Việt Nam năm 1978. Trên cơ sở những thông tin khai thác từ các nguồn tài liệu gốc được lưu trữ tại các Trung tâm Lưu trữ ở Việt Nam và các hồ sơ được lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bài viết này nghiên cứu về cuộc đổi tiền năm 1978 ở Việt Nam dưới góc nhìn sử học. Kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ góp phần tái hiện và đánh giá một sự kiện trong lịch sử tài chính tiền tệ của Việt Nam sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Từ khóa: Thống nhất đất nước, thống nhất tiền tệ, tài chính tiền tệ, đổi tiền ở Việt Nam, đổi tiền năm 1978.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The paper studies one of the financial and monetary issues in Vietnam after the end of the resistance war against the US – the unification of the currency between the North and the South. This is one of the urgent requirements of the country's post-war unification. The paper focuses on the research and analysis of the 1978 change of the currency, which was deemed to aim at monetary unification. There have so far been very few research papers on the issue. On the basis of the information from original documents in Vietnam's archives centres and dossiers kept at the State Bank of Vietnam, the author studies the 1978 change of the currency in the country from the historical perspective. The research results will contribute to the description and assessment of an event in the financial and monetary history of Vietnam after the liberation of the South and the reunification of the country.

Keywords: National reunification, unification of the currency, financial and monetary, change of currency in Vietnam, change of currency in 1978.

Subject classification: History

1. Dẫn nhập

Khi bất cứ một quốc gia nào bị xâm lược và phân tách thì sự tổn thương về tính thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ luôn được biểu hiện rõ ràng và nặng nề nhất. Do vậy, để thống nhất quốc gia là quá trình lâu dài và phức tạp. Sự thống nhất đó được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, trong đó đặc biệt quan trọng về mặt lãnh thổ, thể chế và kinh tế. Ở Việt Nam, sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, quá trình thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ đã hoàn thành, tuy nhiên, công cuộc thống nhất về mặt thể chế chính trị, kinh tế và văn hoá - xã hội vẫn chưa được thực hiện. Vì vậy, việc nghiên cứu về quá trình thống nhất trên lĩnh vực kinh tế, với tư cách là một bộ phận không tách rời của công cuộc thống nhất đất nước, là một yêu cầu có ý nghĩa khoa học.

Thực tế đã cho thấy, sau ngày giải phóng, ở Việt Nam tồn tại hai mô hình: miền Bắc là mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, trong khi đó ở miền Nam, do chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, yếu tố tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập mạnh vào các ngành kinh tế và hướng nền kinh tế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt, thời gian này, tình hình lưu thông tiền tệ trên cả hai miền của đất nước diễn biến khá phức tạp, hệ thống ngân hàng ở hai miền cũng theo các mô hình khác nhau. Vì vậy, việc nghiên cứu về quá trình thống nhất tiền tệ của Việt Nam sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước sẽ góp phần nhận diện, đánh giá về một phân khúc trong lịch sử tài chính tiền tệ Việt Nam một cách cụ thể, thực chứng và sâu sắc hơn. Đồng thời nghiên cứu về cuộc đổi tiền năm 1978 với tư cách là một mắt xích quan trọng của quá trình thống nhất

tiền tệ sẽ làm rõ vai trò của Nhà nước trong việc điều hành, quản lý tiền tệ, quản lý lưu thông và hàng hoá.

Trên cơ sở những thông tin khai thác từ các nguồn tài liệu gốc được lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ ở Việt Nam và các hồ sơ được lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bài viết này nghiên cứu về cuộc đổi tiền năm 1978 ở Việt Nam dưới góc nhìn sử học, với mục đích phục dựng, tái hiện lại sự kiện đổi tiền ở Việt Nam năm 1978 trên các phương diện: làm rõ các cơ sở chính trị, xã hội, cơ sở về kinh tế, tài chính tiền tệ dẫn tới cuộc đổi tiền; trình bày khái quát về quá trình đổi tiền năm 1978 từ khâu chuẩn bị cho tới các bước thực hiện và những kết quả nổi bật của nó, đồng thời đưa ra những nhận xét về đặc điểm, ý nghĩa, cũng như vai trò của sự kiện đổi tiền năm 1978 ở Việt Nam đối với quá trình thống nhất tiền tệ, thống nhất kinh tế ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ góp phần tái hiện và đánh giá một sự kiện trong lịch sử tài chính tiền tệ của Việt Nam sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và có ý nghĩa thực tiễn lớn trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

2. Những cơ sở dẫn đến cuộc đổi tiền của Việt Nam năm 1978

2.1. Cơ sở chính trị, xã hội

Cuộc đổi tiền năm 1978 là cuộc đổi tiền lần thứ năm từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập và là lần thứ hai sau ngày giải phóng miền Nam². Cuộc đổi tiền lần này diễn ra trong bối cảnh đất nước có những biến động lịch sử to lớn, Việt Nam vừa phải trải qua cuộc chiến tranh

kéo dài hơn 20 năm. Lúc này, Mỹ không chỉ cắt hoàn toàn viện trợ mà còn cấm vận khắc nghiệt. Năm 1977, đến lượt Trung Quốc cắt viện trợ. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) Đông Âu dù vẫn còn viện trợ thêm một vài năm, nhưng do trượt giá đồng tiền của họ nên lượng hàng hóa, nguyên liệu thực được chuyển về nước ta chỉ còn phân nửa trước đây³.

Sau chiến tranh, những hậu quả và khó khăn to lớn về xã hội, kinh tế, tài chính do chính quyền Sài Gòn để lại đã được chính quyền cách mạng từng bước khắc phục, sớm đưa đời sống xã hội bình thường trở lại để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Ở miền Nam sau ngày giải phóng, Chính phủ đã tiến hành ngay công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh nhằm tiến hành một bước đánh đổ tư bản mại bản⁴. Kết quả của cuộc cải tạo, lực lượng tư sản mại bản đã bị phá vỡ từng mảng lớn và Nhà nước đã nắm một bộ phận quan trọng vật tư, hàng hoá thiết yếu nhưng chưa hoàn toàn làm chủ thị trường. Theo nhận định của Bộ Chính trị thì qua đợt một đấu tranh chống giai cấp tư sản mại bản, một bộ phận quan trọng tư sản mại bản đã bị loại trừ, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận tiếp tục đầu cơ, tích trữ, lũng đoạn thị trường mà chủ yếu là ở thành phố Hồ Chí Minh [4, t.37, tr.215]. Cho đến đầu năm 1978, hệ thống thương nghiệp tư bản tư nhân ở miền Nam vẫn tồn tại, chiếm lĩnh khoảng 70% bán buôn và xấp xỉ 70% bán lẻ trên thị trường [10, tr.22]. Tình hình này theo nhận định của Thứ trưởng Bộ Tài chính Dương Văn Vật là “nếu không được sớm giải quyết sẽ tạo ra một khoảng trống trong khâu cung cấp hàng hoá, nguyên vật liệu cho khu vực kinh tế tập thể và tư nhân”

[10, tr.22]. Chính vì vậy, Bộ Chính trị tiếp tục ra Thông báo số 10-TB/TW ngày 24/3/1977 về chủ trương của Ban Bí thư về cải tạo XHCN ở các tỉnh phía Nam, quyết định hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo XHCN đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh miền Nam trong 2 năm 1977-1978 [5, t.38, tr.61].

Tuy nhiên, cho dù tiến hành liên tiếp các đợt cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, nhưng thương nghiệp tư nhân nắm tiền và hàng, tư sản gian thương đầu cơ tích trữ, lũng đoạn giá cả. Thời gian này, thương nghiệp tư nhân cạnh tranh trong việc thu mua hàng hoá với Nhà nước. Do vậy, các thế lực tư thương không chỉ nắm một phần nông sản, hải sản và lâm sản quan trọng mà còn nắm một phần sản phẩm do quốc doanh sản xuất, do Nhà nước nhập khẩu và mang bán ra ở thị trường không tổ chức với giá cao, gây cho Chính phủ nhiều khó khăn về hàng hoá, tiền tệ, giá cả trong sản xuất và đời sống của nhân dân, cũng như trong quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước [5, t.38, tr.501-505]. Bối cảnh đó đã đặt ra yêu cầu cần phải thống nhất tiền tệ để tiền tệ trở thành công cụ trong tay Nhà nước, giúp cho Nhà nước tổ chức đời sống nhân dân, phục vụ cải tạo các thành phần kinh tế theo chủ nghĩa xã hội và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá XHCN.

2.2. Cơ sở kinh tế, tài chính, tiền tệ

* Yêu cầu lưu thông hàng hoá hai miền Nam - Bắc

Sau ngày giải phóng miền Nam, hai miền Nam - Bắc còn tồn tại hai phương thức sản xuất khác nhau, có hai hệ thống kinh tế không giống nhau về bản chất, về quy luật hoạt động. Giữa hai miền cũng có

sự khác nhau trong phương thức quản lý kinh tế, nhất là khác nhau trong phương thức phân phối sản phẩm xã hội. Mặc dù quá trình thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ đã hoàn thành, tuy nhiên, công cuộc thống nhất về mặt thể chế chính trị và kinh tế vẫn chưa được thực hiện. Tình hình đó tạo ra những rào cản đối với việc lưu thông, quản lý tiền tệ và hàng hoá ở Việt Nam, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Do đó, yêu cầu thống nhất quản lý kinh tế, thống nhất thị trường, tài chính và giá cả đòi hỏi phải thống nhất toàn bộ hệ thống tiền tệ.

Trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (ngày 29/9/1975) đã nhấn mạnh: “Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của thống nhất, để ngăn ngừa và mau chóng phá tan những âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới... Từ nay đến khi chính thức thống nhất nước nhà, phải làm ngay những công việc cần thiết để thống nhất nước nhà trên thực tế. Chính phủ, Trung ương có trách nhiệm quản lý ngay đối với cả nước. Ngành nào cần có sự quản lý thống nhất và tập trung ngay vào một mối thì làm ngay. Phải sớm thống nhất tiền tệ, tiền lương và giá cả; cho phép đi lại tự do giữa hai miền, tổ chức việc trao đổi kinh tế giữa hai miền” [4, t.36, tr.320-321]. Như vậy, thống nhất tài chính, tiền tệ là một khâu trong sợi dây chuyền của sự nghiệp hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Mặc dù nhấn mạnh việc cần thiết phải tiến hành ngay việc thống nhất nhà nước về kinh tế, nhưng Chính phủ Việt Nam đã thực hiện việc thống nhất tài chính, tiền tệ từng bước, điều chỉnh theo các điều kiện kinh tế

khách quan và chủ quan của đất nước. Trong thời gian chuẩn bị phát hành tiền của chế độ mới, để tránh xáo trộn mạnh tới đời sống kinh tế và để đảm bảo sinh hoạt bình thường cho nhân dân, ngày 9/5/1975, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho phép miền Nam tạm thời sử dụng giấy bạc của chế độ Sài Gòn cũ trong mua bán trao đổi trên thị trường. Các bước tiếp theo của việc thống nhất tiền tệ được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà giải quyết theo tuần tự như sau:

Bước 1: Thống nhất tỷ giá giữa hai đồng tiền hai miền;

Bước 2: Giải quyết vấn đề lưu thông giữa hai đồng tiền [3, tr.1].

Đối với vấn đề thống nhất tỷ giá giữa hai đồng tiền, trong điều kiện lưu thông tiền giấy thì tỷ giá là tương quan đối sánh sức mua của hai đồng tiền. Vì vậy, tỷ giá thay đổi thế nào là tùy thuộc vào tình hình thay đổi sức mua của hai đồng tiền được đem đối sánh. Nhận thấy trên thị trường tự do, xét các mặt hàng thiết yếu thì giá cả ở hai miền đã xấp xỉ nhau, có mặt hàng miền Nam đắt hơn miền Bắc, cũng có những mặt hàng miền Bắc đắt hơn miền Nam. Trong thời gian thu đổi tiền tệ, một đồng tiền miền Bắc bằng 0,66 đồng tiền miền Nam. Sau khi kết thúc thu đổi thì “căn cứ vào chênh lệch giá hiện tại và có tính đến xu thế giá cả chưa ổn định ở miền Nam, Chính phủ đã quy định tỷ giá 1 đồng tiền miền Bắc bằng 0,80 đồng tiền miền Nam, áp dụng trong việc thanh toán phi mậu dịch giữa hai miền” [11, tr.186].

Tiếp theo, để giải quyết vấn đề lưu thông giữa hai đồng tiền và để giúp cho Chính phủ bước đầu quản lý một phần tài sản của tư sản miền Nam, ngăn chặn việc phân tán tài sản của một số phần tử làm ăn bất chính

có nhiều tiền ở miền Bắc, Chính phủ chủ trương phát hành ở miền Nam một đồng tiền riêng, tiền “Ngân hàng Việt Nam”, thu đổi tiền của chế độ cũ [3, tr.5]. Chủ trương thu đổi tiền tệ như sau:

- Tỷ lệ giữa đồng tiền Ngân hàng Việt Nam mới và đồng tiền của chính quyền dưới chế độ cũ được Nhà nước quy định 1 đồng tiền Việt Nam mới được quy đổi tương đương 500 đồng tiền của chính quyền dưới chế độ cũ.

- Đơn vị tiền tệ của đồng tiền mới ở miền Nam giống như đơn vị tiền tệ của đồng tiền ở miền Bắc (đồng, hào...). Như vậy, về danh nghĩa, đơn vị tiền tệ giữa hai miền đã có sự giống nhau.

Sau khi hoàn thành việc phát hành tiền mới, thu đổi tiền cũ, tạo lập một hệ thống tiền tệ riêng ở miền Nam, trên toàn lãnh thổ Việt Nam hình thành hai khu vực tiền tệ: mỗi khu vực lưu hành một đồng tiền riêng. Song, về bản chất, chúng đều là giấy bạc ngân hàng của Nhà nước Việt Nam do một chủ thể phát hành và quản lý.

Với việc ra đời của đồng tiền mới, chính quyền cách mạng đã xây dựng một nền tiền tệ độc lập, tự chủ, góp phần ổn định mọi hoạt động bình thường trong đời sống kinh tế - xã hội ở miền Nam. Đây được coi là bước quan trọng trong công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm chấm dứt chế độ tiền tệ của chủ nghĩa thực dân, xây dựng chế độ tiền tệ độc lập mới của chính quyền cách mạng, tạo ra những tiền đề thuận lợi để tiến tới thống nhất chế độ tiền tệ trong cả nước.

* Yêu cầu quản lý tiền tệ và hàng hoá

Cùng với nhu cầu giải quyết vấn đề lưu thông tiền tệ hai miền Nam - Bắc, thì những yêu cầu phải quản lý chặt tiền tệ và hàng

hoá cũng đã đặt ra vấn đề cần tiến hành cuộc đổi tiền năm 1978.

Mặc dù việc lưu thông tiền tệ sau ngày giải phóng miền Nam về cơ bản đã được giải quyết thông qua cuộc thu đổi tiền năm 1975, tuy nhiên tình hình lưu thông tiền tệ trong hai năm sau đó trên cả hai miền diễn biến khá phức tạp, bộc lộ những yếu kém trong việc quản lý tài chính, tiền tệ. Ở miền Bắc, do yêu cầu của sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá sau chiến tranh và do những thiếu sót, sơ hở trong quản lý kinh tế, tài chính của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ tháng 2/1959 đến tháng 4/1978 đã dẫn đến tình trạng lạm phát thêm 1.330 tỷ đồng, làm cho tiền lưu thông tăng lên gấp 8 lần năm 1959 [7, tr.92]. Mặt khác, sau ngày giải phóng miền Nam, quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc được bình thường hoá, hàng hoá giao lưu giữa hai miền được thực hiện đã tạo điều kiện cho thị trường tự do phát triển. Tuy nhiên, các thế lực đầu cơ, buôn tiền cũng gia tăng, gây nên các mặt tiêu cực trên thị trường làm cản trở công tác quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước và ảnh hưởng tới đời sống của người dân. Sức mua của đồng tiền miền Bắc giảm xuống rõ rệt.

Ở miền Nam, từ tháng 9/1975, Chính phủ đã tiến hành thu hồi tiền của chế độ Sài Gòn cũ, phát hành đồng tiền mới, độc lập, tự chủ. Biện pháp phát hành đơn vị tiền tệ riêng ở miền Nam có mặt tích cực như nêu trên, nhưng cũng có mặt bất lợi. Từ khi phát hành “tiền Ngân hàng Việt Nam” khối lượng tiền ở miền Nam tăng với tốc độ nhanh, lớn hơn khối lượng tiền lưu thông thời chính quyền Sài Gòn vào thời điểm trước năm 1978. Sau 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế và văn hoá, miền Nam đã bội chi trên 500 triệu đồng, làm cho tiền lưu

thông tăng nhanh, thậm chí lớn hơn số tiền mà chính quyền cũ lưu hành đến trước ngày 30/4/1975 là thời điểm lạm phát cao nhất của tiền Sài Gòn cũ⁵. Với khối lượng tiền tệ lưu thông lớn như vậy, trong điều kiện Chính quyền cách mạng mới không nắm được đại bộ phận khối lượng hàng hoá đã ảnh hưởng trực tiếp tới sự kiểm soát hàng hoá của Nhà nước. Quan trọng hơn, tiền mặt trong lưu thông lại tập trung một phần không nhỏ vào một số người làm ăn không chính đáng và giai cấp tư sản ở các tỉnh phía Nam.

Cùng với những yếu kém trong việc quản lý tiền tệ là những sơ hở trong việc kiểm soát hàng hoá, mà theo tư tưởng của Đảng và Nhà nước lúc này thì hàng hoá chính là nhân tố để đảm bảo cho giá trị đồng tiền XHCN [10, tr.8]. Tuy nhiên, cho đến trước khi cuộc đổi tiền diễn ra thì Nhà nước chưa thực sự nắm được quyền kiểm soát hàng hoá. Cho dù tiền hành liên tiếp các đợt cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, nhưng theo báo cáo của Bộ Chính trị thì Nhà nước vẫn chưa tổ chức tốt việc thu mua và nắm sản phẩm hàng hoá. Có nhiều nguồn tài liệu cho rằng do chính sách cứng rắn cải tạo, quốc hữu hóa nền kinh tế miền Nam sau năm 1975 đã làm đất nước rơi vào khó khăn [14]. Về sản xuất, sau 3 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, nhiều ngành sản xuất đạt kế hoạch thấp. Sản xuất vẫn chưa đủ tiêu dùng, xuất khẩu còn quá thấp so với nhập khẩu, mức sống của nhân dân còn rất thấp, đời sống cán bộ công nhân viên chức rất khó khăn. Việc tổ chức phân phối hàng hoá lại yếu, công tác quản lý thị trường, quản lý tiền tệ, tài chính có nhiều thiếu sót và sơ hở. Tư sản thương nghiệp có một khối lượng hàng hoá và hệ thống tư thương đến tận nông thôn đã

nắm trở lại một khối lượng tiền ngày càng lớn. Tính chung trong cả nước, tiền mặt trong lưu thông đến cuối năm 1977 tăng 86% so với cuối năm 1975 và tăng 23,5% so với cuối năm 1976. Chỉ số giá thị trường xã hội năm 1976 so với năm 1975 tăng 21,6%, năm 1977 tăng 42,4%; trong đó thị trường tự do tăng 117,3% [11, tr.205-206]. Tình hình ấy làm cho giá cả trên thị trường “chợ đen” tăng lên, gây khó khăn cho việc thu mua hàng hoá và tập trung hàng hoá trong tay Nhà nước. Có thể thấy, *tiền* và *hàng* là hai mặt không thể tách rời nhau.

Lúc này, sự tồn tại hai đồng tiền trên hai miền của đất nước đã tạo ra ở mỗi miền một mức giá cả, một phương tiện trao đổi và phương tiện hạch toán riêng. Điều này tạo ra những trở ngại và phức tạp cho việc quản lý tài chính thống nhất, đặc biệt là vấn đề lưu thông tiền tệ. Trong bản kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tới Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương trước mắt về thống nhất tiền tệ đã nêu rõ: “Trong một nước, một nền kinh tế, một thị trường đang đi đến thống nhất và đồng nhất một cách toàn diện thì việc lưu thông hai đồng tiền ở hai miền có gây trở ngại cho quá trình thống nhất đó” [3, tr.5].

2.3. Chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc thống nhất tiền tệ

Để góp phần khắc phục những khó khăn và nhược điểm nói trên, để thống nhất tiền tệ và củng cố tiền tệ trong cả nước, làm cho đồng tiền của Việt Nam thực hiện được chức năng là thước đo giá trị của hàng hoá, là phương tiện để lưu thông hàng hoá, là công cụ trong tay Nhà nước để tổ chức sản xuất, lưu thông, phân phối, tổ chức đời sống nhân dân, phục vụ cải tạo các thành phần

kinh tế theo CNXH và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá chủ nghĩa xã hội, ngày 1/4/1978, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết số 08/NQ-TW về việc phát hành tiền ngân hàng mới, thu hồi tiền ngân hàng cũ ở cả hai miền, thống nhất tiền tệ trong cả nước. Nghị quyết nêu rõ: “Việc thực hiện thống nhất tiền tệ tăng cường quản lý tiền tệ lần này được gắn liền với các biện pháp quản lý vật tư, hàng hoá, xoá bỏ kinh doanh công thương nghiệp của các nhà tư sản, bảo đảm nằm trong tay Nhà nước phần lớn những sản phẩm hàng hoá, nhất là những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất cho đời sống nhân dân, cho xuất khẩu. Có nội dung đấu tranh giai cấp nhằm xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ tác động tiêu cực của hoạt động tích trữ đầu cơ trong xã hội, chống ăn cắp tham nhũng trong các ngành kinh tế quốc dân, thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng cường lưu thông phân phối, ổn định giá cả và thị trường, ổn định đời sống nhân dân” [5, t.39, tr.154].

Nghị quyết của Bộ Chính trị chỉ rõ chủ trương thống nhất tiền tệ, thu đổi tiền cần phải đạt 4 yêu cầu chủ yếu sau:

1) Xây dựng hệ thống tiền tệ thống nhất và ổn định cho cả nước, làm công cụ có hiệu lực trong tay Nhà nước để thúc đẩy kế hoạch hoá tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống nhân dân, phân công mới lao động xã hội, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa.

2) Qua thu đổi và quản lý tiền tệ và những biện pháp kinh tế khác, tước đoạt lại phần thu nhập của các đối tượng đầu cơ tích trữ hoặc ăn cắp và những nguồn thu nhập không chính đáng khác, góp phần đấu tranh nhằm xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ lối làm ăn phi pháp, phá rối thị trường của tư thương,

phục vụ và thúc đẩy cải tạo XHCN ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN ở miền Bắc, đưa cả nước tiến lên sản xuất lớn chủ nghĩa xã hội.

3) Nắm tình hình thu nhập bằng tiền ở các vùng, trong các cơ quan, xí nghiệp và các tầng lớp dân cư để có kế hoạch và biện pháp tăng cường công tác tổ chức điều hoà lưu thông tiền tệ, bảo đảm yêu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân, phục vụ lưu thông hàng hoá và thúc đẩy việc cải tiến và tăng cường quản lý kinh tế, quản lý tài chính trong các ngành và ở các địa phương.

4) Trong khi tiến hành thu đổi, phải bảo đảm thuận lợi cho nhân dân lao động, cho các xí nghiệp, cơ quan, bảo đảm an ninh trật tự, bảo đảm sinh hoạt bình thường của nhân dân, bảo đảm sản xuất và lưu thông hàng hoá, phải có biện pháp chống phân tán tiền của những phần tử làm ăn phi pháp, chống lợi dụng, tham ô, tránh nhầm lẫn trong cán bộ làm công tác thu đổi [5, t.39, tr.156-157].

Với việc ban hành Nghị quyết số 08, Bộ Chính trị đã khẳng định việc thực hiện thống nhất tiền tệ, tăng cường quản lý tiền tệ lần này được gắn liền với các biện pháp quản lý vật tư hàng hoá, xoá bỏ kinh doanh thương nghiệp của các nhà tư sản, để từ đó đảm bảo quyền kiểm soát hàng hoá của Nhà nước, tăng cường lưu thông phân phối, ổn định giá cả và thị trường, ổn định đời sống nhân dân.

3. Quá trình, kết quả và ý nghĩa cuộc đổi tiền của Việt Nam năm 1978

3.1. Quá trình

Cuộc đổi tiền năm 1978 được chuẩn bị chu đáo và kỹ lưỡng (từ trước đó 2 năm), được

giao cho 3 ngành chính là Ngân hàng, Nội vụ và Quốc phòng phụ trách [7, tr.88].

Từ tờ trình đầu tiên cho đến khi có Nghị quyết chính thức là một quá trình chuẩn bị hàng năm, qua rất nhiều cuộc họp bàn. Từ đầu tháng 4 năm 1978, Ban Thu, đổi tiền Trung ương đã ban hành Chỉ thị số 01/CT hướng dẫn về công tác thu, đổi tiền. Theo đó, những kế hoạch thu đổi và tổ chức thu, đổi trong từng địa phương được dự kiến và lên kế hoạch trước căn cứ trên tình hình địa dư, kinh tế, chính trị, xã hội của từng nơi. Từ đó dự kiến về những vấn đề phải giải quyết như: về trật tự an ninh, về vận chuyển đi lại, dân cư tập trung hoặc xa xôi hẻo lánh, phân công phụ trách giữa các ngành và các cán bộ chỉ đạo. Đồng thời, Ban Chỉ đạo cũng tính toán lực lượng cán bộ, bao gồm cán bộ trực tiếp làm việc thu đổi và bảo vệ bàn đổi, cán bộ chỉ đạo kiểm tra; tính toán khối lượng tiền cho mỗi vùng, phương tiện vận chuyển và cất giữ, kế hoạch bảo vệ.

Cùng với sự chuẩn bị về tổ chức, công tác chuẩn bị về vật chất cũng hết sức quan trọng. Công việc này bao gồm việc tiếp nhận, vận chuyển hàng, tài liệu, cất giữ và bảo vệ hàng - bảo đảm bí mật, an toàn, đủ và đúng thời gian. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh là tiếp nhận hàng và tài liệu Trung ương chuyển về. Với cán bộ có trách nhiệm của cấp huyện thì thực hiện việc phân phối, đóng gói và cho vào từng bàn đổi, theo từng quận, huyện hoặc tương đương. Địa điểm kho ở cấp tỉnh phải bảo đảm bí mật, bảo vệ an toàn, có đủ chỗ để tổ chức việc phân phối đóng gói bao bì. Nơi cất giữ phải là nơi có điều kiện bảo vệ phòng kẻ địch, phòng kẻ gian, phòng cháy, phòng mối hay chuột phá hoại. Việc in tiền mới và tổ chức

điều vận hàng nghìn tấn hàng đặc biệt, hàng vạn hòm tiền nhiều đợt đòi hỏi huy động mọi phương tiện cần thiết để đảm bảo an toàn và bí mật [5, t.39, tr.88].

Trong công tác tuyên truyền, Đảng và Chính phủ nhận rõ việc giải thích tuyên truyền làm cho mọi người hiểu rõ và nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương chính sách thu đổi và thống nhất tiền tệ của Đảng và của Nhà nước là một bảo đảm quan trọng cho sự toàn thắng của công tác này. Việc truyền thông (qua đài phát thanh, truyền tin, báo chí, vô tuyến truyền hình...) được tiến hành ngay từ sáng ngày bắt đầu thu đổi tiền để báo tin cho mọi người biết chủ trương của Chính phủ [6, tr.2-3].

Theo các tư liệu lịch sử, 5h sáng ngày 3/5/1978, Ban Thu, đổi tiền Trung ương báo tin cho người dân biết chủ trương đổi tiền của Đảng và Chính phủ thông qua các đài phát thanh trung ương, tỉnh, huyện và thành phố. Từ 12h trưa ngày 3/5/1978, bắt đầu giải thích chính sách thu, đổi, cách tiến hành thu, đổi, động viên người dân nghiêm chỉnh chấp hành chính sách. Cuộc đổi tiền kéo dài từ ngày 3/5/1978 và kết thúc vào ngày 6/5/1978 (trừ một số vùng núi cao kết thúc vào ngày 8/5/1978) theo những quy định như sau: 1 đồng tiền ngân hàng mới bằng 1 đồng tiền ngân hàng ở miền Bắc, 1 đồng tiền ngân hàng mới bằng 0,80 đồng tiền ngân hàng ở miền Nam. Việc thu đổi tiền trong cả nước được tiến hành nhanh, gọn, bảo đảm thời gian và các yêu cầu đã đề ra [7, tr.3]. Cuộc đổi tiền này được cho là đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt liệt của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân lao động và được tiến hành nhanh, gọn, bảo đảm thời gian và kế hoạch đã định [8, tr.9].

3.2. Kết quả

Kết thúc đợt thu, đổi tập trung, tổng cộng tiền cũ thu về trong cả nước, quy thành tiền ngân hàng mới là 2.679.996.680,06đ (trong đó tiền miền Bắc chiếm 49,0%, tiền miền Nam 51%)⁶.

Tình hình đổi tiền cụ thể trên cả nước như sau: Về số tiền đổi ngay của các tỉnh miền Bắc là 764.779.007,44đ tiền miền Bắc cũ, bằng 56,55% tổng số tiền thu, đổi của dân cư và cơ quan, và 157.918,53đ tiền miền Nam cũ (quy tiền mới: 197.398,16đ), cộng thành tiền mới là: 746.976.405,60đ. Về số tiền đổi ngay của các tỉnh miền Nam là 747.213.767,35đ tiền mới (tiền cũ là 597.771.013,88đ), bằng 55,1% tổng số tiền thu, đổi của nhân dân và cơ quan và 139.994đ tiền miền Bắc cũ, cộng thành tiền mới là 747.353.761,35đ. Tính chung cả nước đã đổi ngay là 1.512.330.166,95đ tính theo tiền ngân hàng mới, bằng 56,4% tổng số tiền thu đổi của dân và cơ quan [9, tr.3].

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền thu đổi bình quân đầu người ở miền Bắc (năm 1978) là 47,22đ, trong khi đó ở miền Nam là 53,01đ. Thành phố Hồ Chí Minh có mức thu đổi bình quân đầu người cao nhất: 109,3đ, cao hơn mức chung của cả hai miền. Hà Nội có mức thu đổi bình quân đầu người là 97,7đ. Nếu xét số tiền thu đổi bình quân hộ thì ở miền Nam cũng cao hơn miền Bắc: 292,00đ so với 225,11đ.

Nếu xét về các hệ dân cư, ở cả hai miền Nam, Bắc, tầng lớp kinh doanh thương nghiệp có số tiền cũ thu đổi bình quân hộ cao nhất (545,67đ/ hộ ở miền Bắc và 1.016,01đ/hộ ở miền Nam). Ở miền Bắc, sau tầng lớp kinh doanh thương nghiệp, tầng lớp kinh doanh vận tải có mức bình

quân thu đổi tiền đứng thứ hai (452,42đ/hộ), tiếp đến là tiểu thương (412,21đ/hộ), nông dân có mức thu đổi bình quân thấp nhất: 199,48đ/hộ. Trong khi đó ở miền Nam, tầng lớp kinh doanh nông - lâm - công nghiệp xếp thứ hai (985,15đ/hộ), tầng lớp kinh doanh vận tải xếp thứ ba về số tiền thu đổi bình quân (593,92đ/hộ), tiếp đó là cán bộ, bộ đội (520,95đ/hộ), nông dân cũng là nhóm có mức thu đổi bình quân thấp nhất (203,21đ/hộ) [9, tr.10].

Nếu xét về mức tiền đổi, ở miền Bắc, số hộ có mức tiền đổi dưới 300đ chiếm 81,3% với mức tiền đổi chiếm 46,8%; số hộ có mức tiền đổi từ 301-1.000đ là 16,6% chiếm 37,3% tổng số tiền; số hộ có mức tiền đổi trên 1.000đ là 1,9% nhưng chiếm 15,8% tiền đổi. Ở miền Nam, sự chênh lệch được thể hiện rõ hơn: số hộ có trên 1.000đ tiền đổi chỉ chiếm 0,035% nhưng chiếm 28% số tiền. Trong khi đó, số hộ có mức tiền đổi dưới 300đ chiếm 76% nhưng chỉ chiếm 39% số tiền đổi [9, tr.10]. Riêng ở thành phố Hồ Chí Minh, qua đợt cải tạo, tiền của các hộ kinh doanh vận tải và thương nghiệp giảm so với trước. Lượng tiền đổi của tiểu thương tăng và của các nhà kinh doanh công - nông - lâm nghiệp vẫn giữ ở mức cao so với đợt đổi tiền năm 1975 do chính sách cải tạo Chính phủ không đụng chạm nhiều tới những tầng lớp này [7, tr.90].

Theo báo cáo của Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ở miền Nam, qua đợt thu đổi tiền (ngày 3 tháng 5 năm 1978), kết hợp với việc kiểm kê hàng hoá tồn kho và không cho tư sản kinh doanh thương nghiệp trước đó hai tháng (ngày 23 tháng 3 năm 1978) đã khiến cho lực lượng đầu cơ lũng đoạn thị trường bị đánh bật ra khỏi nhiều thị trấn là địa bàn hoạt động trước đây, ở nhiều vùng nông thôn, lực lượng

thương nhân buôn bán đường dài cũng giảm xuống nhiều. Nếu như trước đây, ở những vùng nông thôn, hàng hoá được bán chủ yếu cho tư thương, thì sau đợt đổi tiền, nông dân muốn bán sản phẩm cho Nhà nước. Chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo quản lý thị trường, quản lý giá cả. Nhờ vậy, sau thu đổi tiền, giá cả được giữ vững, giá nhiều mặt hàng giảm hơn trước, xu hướng nâng giá bị ngăn chặn [10, tr.8].

Nhờ biện pháp định mức đổi tiền, số tiền đổi ra chiếm khoảng từ 60-70% tiền thu về. Như vậy, cuộc đổi tiền đã giúp giảm được khoảng 40% tiền trong lưu thông, làm cho tiền lưu thông tính theo bình quân đầu người giảm xuống. Nhà nước đã nắm được tiền tồn quỹ của cơ quan, xí nghiệp để vượt mức cho phép [10, tr.11]. Quan trọng hơn là Nhà nước giữ được lượng tiền mặt của giai cấp tư sản thương nghiệp. Theo đánh giá của ông Trần Dương - Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước thì: từ ngày đổi tiền ngày 3 tháng 5 năm 1978 đến nay (15-5-1978), đời sống nhân dân được ổn định, đặc biệt ở thành phố Hồ Chí Minh không có gì xáo trộn; ngay sau ngày đổi tiền, mọi sinh hoạt trở lại bình thường, giá cả ổn định và có xu thế hạ xuống” [10, tr.11].

3.3. Một vài nhận xét về ý nghĩa cuộc đổi tiền năm 1978

Cuộc đổi tiền năm 1978 là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Chủ trương này được thực hiện nhằm đạt được nhiều mục tiêu khác nhau, trong đó đặc biệt quan trọng là mục tiêu tăng cường khả năng quản lý tài chính, tiền tệ và quản lý hàng hoá vốn được cho là vẫn nằm ngoài quyền kiểm soát của Nhà nước mà tập trung vào

lực lượng tư sản và những đối tượng bị cho là “đầu cơ tích trữ”.

Cuộc đổi tiền năm 1978 nằm trong kế hoạch thống nhất tiền tệ của Đảng và Nhà nước và đã có sự chuẩn bị từ sớm ngay sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Mặc dù thời gian chuẩn bị lâu dài nhưng việc đổi tiền năm 1978 diễn ra trong một thời gian ngắn, có sự tham gia của hàng triệu người và tuyệt đại đa số nhân dân.

Bộ Chính trị đã đặt vấn đề thu, đổi tiền để thống nhất tiền tệ hai miền Nam - Bắc trong bối cảnh đất nước trong quá trình cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam. Do đó, chủ trương thống nhất tiền tệ, thu, đổi tiền năm 1978 vừa mang ý nghĩa kinh tế vừa mang ý nghĩa chính trị rất lớn.

Trước hết, về mặt kinh tế, cuộc đổi tiền vừa nhằm mục đích để khắc phục hậu quả của lạm phát tiền tệ của chế độ cũ để lại, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hoá. Đồng thời tạo cơ sở để tăng cường quản lý của Nhà nước, góp phần củng cố thành phần kinh tế quốc doanh theo yêu cầu của công cuộc cải tạo và xây dựng nền kinh tế quốc doanh.

Mặc dù cuộc đổi tiền bước đầu đã rút bớt được một khối lượng đáng kể tiền mặt trong lưu thông, nhưng hiện tượng giảm tiền lưu thông sau thu đổi tiền là do Chính phủ ấn định mức được thu, đổi, chủ yếu mang tính chất cơ học. Hiện tượng giảm tiền không bắt nguồn từ việc điều hoà tốt lưu thông tiền tệ, hay từ sự phát triển của sản xuất và việc quản lý hiệu quả tài chính, do vậy nhiều yêu cầu của sản xuất, của lưu thông, của sinh hoạt bình thường vẫn không được đáp ứng. Cùng với sự phức tạp của tình hình chính trị xã hội sau ngày đổi tiền khiến cho tốc độ tiền tung vào lưu thông chỉ sau

một thời gian ngắn tăng nhanh, làm cho quan hệ tiền - hàng ngày càng mất cân đối và không phát huy được hết các mặt tích cực của cuộc đổi tiền trên.

Thứ hai, về mặt chính trị, xã hội, tầng lớp chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là tư sản thương nghiệp - đối tượng của cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đang diễn ra ở Việt Nam lúc bấy giờ. Việc đổi tiền không đơn thuần chỉ là đổi tiền cũ lấy tiền mới phục vụ lưu thông, mà còn nhằm mục đích tăng cường quản lý kinh tế, quản lý tiền tệ của Nhà nước vốn được cho là còn nhiều sơ hở do hàng hoá và tiền mặt tập trung chủ yếu trong tay lực lượng tư sản thương nhân. Như vậy, rõ ràng đợt đổi tiền năm 1978 của Việt Nam là nhằm góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc và cải tạo và xây dựng XHCN ở miền Nam.

Thứ ba, mặc dù việc thu đổi tiền còn nhiều hạn chế trong công tác chuẩn bị, các cơ quan, xí nghiệp gặp lúng túng trong việc kê khai các quỹ, trong đó có hiện tượng nghi vấn quỹ đen, hiện tượng phân tán tiền, buôn bán tiền, đổi tiền cũ lấy tiền mới với tỷ giá chênh lệch cao đã xuất hiện ở một số địa phương..., song nhìn chung, công cuộc thống nhất tiền tệ trong cả nước đã đáp ứng sự mong mỏi và nguyện vọng của nhân dân về một đồng tiền thống nhất. Chính sách thu đổi tiền để đảm bảo quyền lợi của nhân dân lao động và những người làm ăn chính đáng, nhưng trái lại rất chặt chẽ, kiên quyết đối với lực lượng tư sản tư nhân và những người làm ăn phi pháp. Việc tập trung các mối quan hệ kinh tế, tài chính, nhất là vấn đề tiền tệ vào một đầu mối duy nhất ở một mức độ nhất định đã có tác động tích cực đến mọi hoạt động kinh tế, xã hội và đời sống, đến tâm lý xã hội của quần chúng,

đến việc bảo vệ và thực hiện quyền lợi chính đáng và hợp lý của những người lao động.

4. Kết luận

Trong xu hướng chung của sự nghiệp thống nhất đất nước từ chính trị, đến kinh tế, văn hoá và xã hội, cuộc đổi tiền năm 1978 đã góp phần hoàn chỉnh việc thống nhất tiền tệ - ngân hàng, thống nhất nền kinh tế trong cả nước. Quá trình thống nhất đó được triển khai từng bước và theo trình tự nhất định. Ban đầu là thu đổi tiền và phát hành tiền riêng ở miền Nam, cho phép hai đồng tiền song song lưu hành. Trong thời gian lưu hành hai đồng tiền ở hai miền Nam - Bắc, công tác chuẩn bị về vật chất, hậu cần và nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc thống nhất tiền tệ được tiến hành từ sớm và bảo đảm bí mật. Kết quả cuộc đổi tiền đã xây dựng được một hệ thống tiền tệ thống nhất trong cả nước. Từ đó, Nhà nước nắm được tình hình phân bố tiền tệ trong nền kinh tế, tạo ra những điều kiện cần thiết, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hỗ trợ cho cơ cấu kinh tế mới thống nhất trên cả nước.

Cuộc đổi tiền năm 1978 có ý nghĩa thực tiễn lớn trong công cuộc xây dựng đất nước sau cuộc chiến tranh thống nhất hai miền Nam - Bắc, đặc biệt trong vấn đề quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước. Qua cuộc đổi tiền đã cho thấy rõ vai trò chỉ đạo, điều hành của Nhà nước và Chính phủ đối với một trong những vấn đề được coi là huyết mạch của nền kinh tế quốc gia. Chủ trương và chính sách đổi tiền, thống nhất tiền tệ được nghiên cứu, cân nhắc, tính toán nhiều mặt và Bộ Chính trị đã xem xét nhiều lần

trên cơ sở các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước. Đặc biệt, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành ngân hàng, tài chính, công an, quốc phòng, kiểm sát để đảm bảo cho một sự kiện trọng đại của cả nước được diễn ra nhanh chóng, giảm thiểu tối đa sự xáo trộn trong đời sống nhân dân.

Chú thích

² Cuộc đổi tiền lần thứ nhất: Ngày 15/5/1947, Chính phủ ra sắc lệnh số 48/SL cho phép lưu hành trong cả nước giấy bạc 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 500 đồng. Đồng thời, Nhà nước thực hiện thu, đổi đồng bạc Đông Dương, tỷ lệ 1 đồng Việt Nam lấy 1 đồng bạc Đông Dương.

Cuộc đổi tiền lần thứ hai: việc thu đổi tiền được tiến hành theo Sắc lệnh số 19/SL ngày 12/5/1951 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cho phép Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành giấy bạc loại 20 đồng và 50 đồng. Sắc lệnh số 20/SL ngày 12/5/1951 ấn định 1 đồng tiền ngân hàng có giá trị bằng 10 đồng tiền tài chính. Một cuộc đổi tiền diễn ra tới 20 tháng, dài nhất trong lịch sử đổi tiền của Ngân hàng Việt Nam.

Cuộc đổi tiền lần thứ ba: Ngày 27/2/1959, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Sắc lệnh số 15/SL, cho phép phát hành đồng tiền mới, thay đổi đơn vị tiền tệ và thu đổi tiền cũ theo tỷ lệ 1 đồng tiền mới đổi lấy 1.000 đồng tiền cũ. Việc thu đổi tiền có kết hợp với yêu cầu quản lý vốn tiền tệ của những người có nhiều tiền, chống đầu cơ, tích trữ.

Cuộc đổi tiền lần thứ tư: Ngày 6/6/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã ra Nghị định số 04/PCT-75 về việc thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam do ông Trần Dương làm Thống đốc. Để loại bỏ đồng tiền của chính quyền Việt Nam Cộng hoà ra khỏi đời sống kinh tế, xã hội, ngày 22/9/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã tổ

chức cuộc đổi tiền trên quy mô toàn miền Nam để đưa đồng tiền mới (có tên là Tiền Ngân hàng Việt Nam) vào lưu thông, với tỷ lệ 1 đồng Ngân hàng Việt Nam đổi 500 đồng tiền của chính quyền Sài Gòn cũ. Loại tiền này đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam in từ năm 1966 [2], [14], [16].

³ Khoản viện trợ của Trung Quốc cho miền Bắc Việt Nam trước đây thường từ 300 đến 400 triệu USD/năm đã chấm dứt hoàn toàn vào năm 1977. Nguồn viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa khác, chủ yếu là Liên Xô thì trên danh nghĩa bằng tiền là có tăng từ 1.024,1 triệu USD năm 1976 lên 1.526,1 triệu USD năm 1979, nhưng vì phải áp dụng “giá trượt” theo quy định của khối SEV (Cộng đồng tương trợ kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu), nên với số tiền trên, trên thực tế chỉ mua được một lượng hàng khoảng bằng một nửa so với trước đó [14, tr.229].

⁴ Ngày 04/9/1975, Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam tiến hành Chiến dịch cải tạo tư sản miền Nam lần I. Ngày 15/7/1976, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết số 254/NQ/TW về những công tác trước mắt ở miền Nam, hoàn thành việc xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản, tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Tháng 12/1976, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành Chiến dịch cải tạo tư sản lần II. Tiếp theo, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 3/1977 quyết định hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh miền Nam trong 2 năm (1977-1978).

⁵ Số tiền mặt lưu thông cuối năm 1977 ở các tỉnh phía Nam tăng hơn 13% so với tổng số tiền chính quyền Sài Gòn cũ lưu hành cuối tháng 4/1975, trong khi khối lượng hàng hoá luân chuyển giảm xuống nhiều, sức mua của đồng tiền miền Nam giảm xuống nhiều so với trước [9, tr.89].

⁶ Theo báo cáo, 18 tỉnh, thành phố miền Bắc đã thu về 1.306.215.509,74đ tiền miền Bắc cũ, và

2.252.107,35đ tiền miền Nam cũ. Trong khi 20 tỉnh, thành phố miền Nam đã thu về 1.083.167.997,61đ tiền miền Nam cũ, và 17.006.039,12đ tiền miền Bắc cũ [11, tr.2].

Tài liệu tham khảo

- [1] *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tiền mặt năm 1977 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tín dụng tiền mặt năm 1978 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, Lưu trữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phòng số 01, Mục lục số 03, Hồ sơ số 289, 24 tờ.
- [2] Bộ Tài chính (1995), *Lịch sử Tài chính Việt Nam*, t.1, Nxb Thông tin chuyên đề, Hà Nội.
- [3] *Công văn, tờ trình của Ngân hàng Nhà nước v/v thống nhất tiền tệ giữa 2 miền Nam Bắc năm 1976*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 3890, 12 tờ.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.36, t.37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.38, t.39, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] *Hồ sơ v/v thực hiện thu, đổi tiền năm 1978, Tập 3: Tài liệu của Ban thu, đổi tiền TW hướng dẫn công tác thu, đổi tiền năm 1978*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 4049, 78 tờ.
- [7] *Hồ sơ v/v thực hiện thu, đổi tiền năm 1978, Tập 7: Thông báo, báo cáo của Phủ Thủ tướng về tiến độ thu, đổi tiền ở các địa phương năm 1978*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 4053, 105 tờ.
- [8] *Hồ sơ v/v thực hiện thu đổi tiền năm 1978, Tập 9: Báo cáo của Ban chỉ đạo thu, đổi tiền các tỉnh: Tp Hà Nội, Hà Sơn Bình, Tp. Hải Phòng, Hải Hưng, Hoàng Liên Sơn, Tp. Hồ Chí Minh về công tác đổi tiền năm 1978*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 4055, 107 tờ.
- [9] *Hồ sơ v/v thực hiện thu đổi tiền năm 1978, Tập 14: Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ban thu, đổi tiền TW quyết toán thu, đổi tiền năm 1978*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 4060, 27 tờ.
- [10] *Hồ sơ v/v thực hiện thu đổi tiền năm 1978, Tập 19: Trích các văn bản và bài phát biểu về công tác thu đổi tiền năm 1978 (tài liệu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam in)*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 4065, 23 tờ.
- [11] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1996), *Ngân hàng Việt Nam: Quá trình xây dựng và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Lịch sử Ngân hàng Việt Nam 1951-2016*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [13] *Tập báo cáo của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến công tác Ngân hàng ở miền Nam và phương hướng phấn đấu trong thời gian tới năm 1976*, Lưu trữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phòng số 01, Mục lục số 03, Hồ sơ số 264, 84 tờ.
- [14] Đào Minh Tú (2019), *Lịch sử Đồng tiền Việt Nam - Quá trình hình thành và phát triển*, Bản thảo Dự án nghiên cứu khoa học của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội, 590 trang.
- [15] Quốc Việt (2017), *Ngân hàng thu hồi 5,7 tấn vàng từ Thụy Sĩ*, <https://tuoitre.vn/ngan-hang-thu-hoi-57-tan-vang-tu-thuy-si-1306764.htm>, truy cập ngày 19 tháng 9 năm 2020.